

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ CÚ
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2022/HNGĐ-ST
Ngày 30 - 7 - 2022
“V/v Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Thạch Thuôn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Anh Đào

2. Ông Sơn Ken

- Thư ký phiên tòa: Bà Kim Thị Bô Na, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Đoàn Tố Quyên – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 17/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2022 về việc “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2022/QĐXXST- HNGĐ, ngày 11 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Thạch Thị C, sinh ngày 01/01/1992; địa chỉ ấp S, xã A, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Lê Văn M, sinh năm 1982; địa chỉ ấp S, xã A, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn chị Thạch Thị C:* Ông Trầm Phú L – Luật sư thuộc Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên T - Chi nhánh tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/12/2021, của nguyên đơn chị Thạch Thị C trình bày: Do quen biết và qua thời gian tìm hiểu nên chị và anh Lê Văn M tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã An Quảng Hữu vào ngày 07/3/2011. Thời gian đầu, sau khi kết hôn vợ chồng chung có hạnh phúc, luôn quan tâm chăm sóc lẫn

nhau. Tuy nhiên, tháng 3 năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm với nhau, không thể hàn gắn và thường xuyên cự cãi. Vợ chồng đã nhiều lần ngồi lại với nhau nhằm hòa giải những mối bất đồng trong cuộc sống để cùng nhau làm ăn lo cho tương lai, xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng không thành. Hiện nay mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nghiêm trọng, cả hai bỏ mặt nhau muốn sống ra sao thì sống, không quan tâm chăm sóc cho nhau. Đến ngày 30/4/2021 thì chị trở về nhà cha mẹ ruột sinh sống và ly thân với anh M đến nay. Nay chị cảm thấy mục đích hôn nhân không đạt nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn M; về con chung thời gian chung sống giữa chị và anh M có 01 người con chung tên Lê Minh K, sinh ngày 23/8/2014 thì chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh Lê Văn M cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung thì không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 07/7/2022 của bị đơn anh Lê Văn M trình bày: Anh và chị Thạch Thị C cưới nhau vào năm 2011 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã An Quảng Hữu theo quy định của pháp luật. Sau khi cưới vợ chồng về sống chung với bên vợ và có hộ khẩu chung với mẹ vợ, khi được khoảng 02 năm thì về sống chung bên gia đình anh nhưng do hai bên gia đình ở gần nhau nên không có cắt hộ khẩu và cũng thường xuyên lên xuống với hai bên gia đình. Quá trình chung sống giữa vợ chồng có hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì đến khoảng năm 2021 do anh làm ăn thua lỗ nên chị C có xin đi làm công ty để phụ lo cho gia đình nên anh đồng ý. Thời gian đầu chị C đi về mỗi ngày, thời gian sau thì chị C xin đi ở nhà trọ, một tuần về một lần, rồi dần dần ít về nhà, anh nhiều lần điện thoại cho chị C nhưng chị không bắt máy, anh đi tìm nhiều nơi cũng không gặp được. Từ khi không liên lạc được với chị C cho đến nay thì anh và con trai vẫn ở bên gia đình vợ để chăm sóc cho mẹ vợ già yếu, bị bệnh đi lại không được. Nay anh không đồng ý ly hôn với chị C, vì anh còn thương vợ và con, vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Anh muốn vợ chồng hàn gắn lại để cùng nhau xây dựng gia đình, cùng nhau lo lắng chăm sóc con chung.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Thạch Thị C có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; bị đơn anh Lê Văn M không đồng ý ly hôn với chị C, vì anh còn thương vợ và con, vợ chồng không có mâu thuẫn.

Quan điểm của Vị luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn cho rằng: Tình trạng hôn nhân giữa chị C và anh M đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, cả hai bỏ mặt nhau muốn sống ra sao thì sống, không quan tâm chăm sóc cho nhau và đã sống ly thân với nhau từ ngày 30/4/2021 đến nay không thể hàn gắn. Hơn nữa, trước đây vào tháng 6/2021 thì chị C đã từng làm đơn yêu cầu ly hôn với anh M. Tuy nhiên, qua hòa giải hàn gắn thì chị C đã tự nguyện rút đơn khởi kiện để vợ chồng hàn gắn nhưng đến nay vẫn không hàn gắn được nên chị C tiếp tục yêu cầu ly hôn với anh M, điều này chứng tỏ tình trạng mâu thuẫn giữa chị C và anh M đã trầm trọng, không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt. Do đó, việc chị C yêu cầu ly hôn với anh Minh là có cơ sở nên đề

ng nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thạch Thị C cho chị Chín được ly hôn với anh M; về con chung giữa chị C và anh M có 01 người con chung tên Lê Minh K, sinh ngày 23/8/2014, hiện nay đã trên 07 tuổi thì chị C thống nhất giao cho anh M được tiếp tục nuôi con, chị C không cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung giữa chị C và anh M xác nhận không có nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án nhận thấy: Vào năm 2011 chị Thạch Thị C và anh Lê Văn M tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Quảng Hữu, huyện Trà Cú vào ngày 07/3/2011 đúng quy định của luật hôn nhân và gia đình. Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của bị đơn, kết quả xác minh trình trạng hôn nhân giữa chị C và anh M thấy rằng cuộc sống hôn nhân của chị C và anh M chưa có mâu thuẫn gì như lời trình bày của chị C (có xác nhận của mẹ ruột chị C là bà Sơn Thị R). Sau khi Tòa án thụ lý nguyên đơn cố ý vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt và không đưa ra thêm chứng cứ gì chứng minh cho mâu thuẫn vợ chồng như lời trình bày trong đơn khởi kiện. Hiện nay anh M vẫn nuôi dưỡng con chung và chăm sóc mẹ vợ mình (mẹ ruột của chị C), anh M không đồng ý ly hôn do hai vợ chồng không có mâu thuẫn gì, anh còn yêu thương vợ. Do đó, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Thạch Thị C.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Thạch Thị C; về án phí đề nghị buộc nguyên đơn chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện thì chị Thạch Thị C yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn M và yêu cầu giải quyết về người trực tiếp nuôi con nên đây là vụ kiện “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ vào khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh; tại phiên tòa nguyên đơn chị Thạch Thị C có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt

nên căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Thạch Thị C.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Thạch Thị C và anh Lê Văn M tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Quảng Hữu, huyện Trà Cú vào ngày 07/3/2011 đúng quy định của luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh M là hợp pháp. Sau khi kết hôn, thời gian đầu anh chị sống chung với gia đình của chị C được khoảng 02 năm thì anh chị về sống chung bên gia đình anh M. Đến đầu năm 2021 do vợ chồng làm ăn thua lỗ nên chị C đi làm Công ty ở Trà Vinh để phụ lo cho gia đình, trong thời gian này thì chị C cũng thường về nhà và vợ chồng anh, chị cũng không có mâu thuẫn gì. Đến ngày 30/4/2021 thì chị C lên Bình Dương làm thuê và không liên lạc với gia đình. Nay chị C cho rằng giữa chị và anh M đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn M; phía anh M không đồng ý ly hôn với chị C, anh cho rằng tình trạng hôn nhân giữa anh và chị C không có mâu thuẫn gì, anh vẫn mong muốn chị C quay về để vợ chồng hàn gắn, cùng nhau xây dựng gia đình và chăm lo con cái; qua tiếp xúc với bà Sơn Thị R là mẹ của chị Thạch Thị C thì bà R cũng cho rằng vợ chồng chị C và anh M không có mâu thuẫn gì; mặc dù con của bà (chị C) đi làm xa và không liên lạc với gia đình nhưng anh M là con rể vẫn ở nhà để chăm sóc con chung (cháu K) và chăm sóc, lo thuốc thang cho bà, do bà đã lớn tuổi, bị bệnh chân đi lại khó khăn không còn ai chăm sóc. Từ những căn cứ trên có cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa chị C và anh M là không có mâu thuẫn như lời trình bày của chị C nên việc chị Thạch Thị C yêu cầu ly hôn với anh Lê Văn M là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Do không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Thạch Thị C nên về con chung, tài sản chung và nợ chung Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

[4] Quan điểm của Vị luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là không phù hợp với nhận định trên nên không chấp nhận.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Trong vụ án hôn nhân và gia đình thì nguyên đơn chị Thạch Thị C phải chịu theo quy định khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Thạch Thị C về việc yêu cầu ly hôn với anh Lê Văn M.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Thạch Thị C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị C đã nộp tạm ứng trước bằng 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007653 ngày 12/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh nên chị C không phải nộp tiếp.

Án xử sơ thẩm công khai vắng mặt nguyên đơn, có mặt bị đơn. Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Trà Cú;
- Chi cục THADS huyện Trà Cú;
- UBND xã An Quảng Hữu, huyện Trà Cú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thạch Thuôn